



## VẤN ĐỀ TỘC NGƯỜI VÀ NGHIÊN CỨU NHÂN HỌC Ở CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

NGUYỄN VĂN CHÍNH

### **Rhân học và Dân tộc học**

Có thể nói đối tượng nghiên cứu của Nhân học Việt Nam gần đây đã được mở rộng khá nhiều, đặc biệt là khoảng hơn một thập kỷ qua, khi các cơ sở đào tạo và nghiên cứu chuyển từ Dân tộc học sang Nhân học Văn hóa. Những quan tâm nhân học không còn chỉ tập trung vào vấn đề tộc người như trước mà có xu hướng mở ra những địa hạt nghiên cứu mới bao gồm cả khu vực nông thôn và đô thị. Các nhà nghiên cứu giờ đây không còn mãi miết đi tìm những “trầm tích” văn hóa trong kho tàng văn hóa các tộc người mà đã chú ý nhiều hơn đến các vấn đề của xã hội đương đại. Điều này có lẽ bắt nguồn từ một sự khác biệt đáng kể giữa Nhân học Việt Nam và Đông Nam Á. Đó là chúng ta bắt đầu các nghiên cứu nhân học từ nền tảng dân tộc học (*ethnology*), tức tập trung mô tả, phân tích và đi tìm những đường biên văn hóa giữa các cộng đồng người thông qua khái niệm về bản sắc văn hóa có tính tộc người thì ở các nước Đông Nam Á khác, quan tâm nhân học thường đa dạng và rộng lớn hơn. Tuy nhiên, từ khi chúng ta chuyển từ Dân tộc học sang Nhân học theo hướng mở rộng lĩnh vực nghiên cứu thì các nhà dân tộc học lại cố gắng lập

ra một ranh giới khoa học giữa Nhân học và Dân tộc học. Có một quan niệm khá phổ biến cho rằng dù có nhiều tương đồng nhưng “*dân tộc học là một ngành của khoa học lịch sử nên đề tài, nội dung nghiên cứu nặng về lịch đại*” [xã hội cổ truyền], còn “*nhân học là ngành khoa học vượt ra khỏi phạm vi của khoa học lịch sử nên quan tâm đến các vấn đề hiện đại*” và “*nhận đơn đặt hàng của các cấp chính quyền*” để đề xuất các giải pháp thực tiễn (Phan Hữu Dật, 2006, tr. 221). Cũng có ý kiến lo ngại rằng chuyển sang Nhân học có nghĩa là bỏ rơi nghiên cứu về tộc người!

Đáng lưu ý trong nhận xét nêu trên là ở chỗ nó không phân biệt đối tượng của Dân tộc học với tư cách là một khoa học về các tộc người còn đối tượng của Nhân học là khoa học nghiên cứu về các khía cạnh văn hóa của loài người, trong đó có tính tộc người (*ethnicity*). Tôi không hiểu ý kiến phân định phạm vi nghiên cứu trong đó *dân tộc học quan tâm đến các vấn đề truyền thống còn nhân học thì nghiên cứu các vấn đề đương đại và ứng dụng* xuất phát từ cơ sở khoa học nào nhưng rõ ràng quan niệm như vậy là vô lý và có những bất cập. Nhân học và Dân tộc học đều nghiên cứu và dành quan

tâm đáng kể để nghiên cứu truyền thống và lịch sử tộc người. Tuy nhiên, nói rằng “nội dung nghiên cứu dân tộc học nặng về lịch đại” là không có cơ sở. Điểm khác biệt căn bản nhất giữa Dân tộc học - Nhân học và Khoa học Lịch sử là ở chỗ Sử học đầu tiên và trước hết phải được dựa trên cơ sở các nguồn sử liệu, tức là các văn bản, trong khi Dân tộc học - Nhân học phải tự làm ra tài liệu thông qua một loạt các phương pháp đặc thù để thu thập thông tin. Không có sử liệu thì không có Sử học. Nhưng khác với Sử học, Dân tộc học - Nhân học có thể nghiên cứu lịch sử các cộng đồng tộc người (đặc biệt là các nhóm cộng đồng người không có chữ viết riêng) dựa vào các nguồn tài liệu truyền miệng và hiện vật văn hóa. Do vậy, lịch sử trong Dân tộc học - Nhân học không thể “nặng về lịch đại” được mà có xu hướng nghiêng về ký ức và các câu chuyện đời sống. Thêm vào đây, dù phạm vi quan tâm là văn hóa tộc người hay văn hóa của loài người thì cả hai ngành Dân tộc học và Nhân học đều được phát triển trên nền tảng của một phương pháp chung gọi là điền dã dân tộc học (*fieldwork*), hay trong Nhân học hiện đại người ta thường nói đến kỹ thuật quan sát tham gia (*participant observation*), nghĩa là nhà nghiên cứu cần phải sống trong cộng đồng mà mình nghiên cứu trong một thời gian đủ lâu để thu thập được những thông tin về đời sống như nó vốn có để phân tích. Phương pháp này về căn bản khác với phương pháp sử học dựa vào các nguồn sử liệu. Như vậy, giữa Sử học và Dân tộc học không có một phương pháp chung mặc dù ngày nay, các nguồn tài liệu và tiếp cận liên ngành đang trở thành một xu hướng ở tất cả các ngành khoa học xã hội

nhân văn. Nói như thế để thấy rằng, giữa Dân tộc học và Nhân học có một nền tảng chung về cả đối tượng và phương pháp nghiên cứu trong khi hai ngành này khác Sử học về phương pháp và đối tượng nghiên cứu, và do đó không thể phân công Dân tộc học thuộc khoa học lịch sử, nghiên cứu nặng về lịch đại, còn Nhân học nghiên cứu đương đại và nặng về ứng dụng.

Để làm rõ hơn quan điểm phê phán của tôi về sự “phân công lao động” như nói tới, tôi đã để tâm quan sát xem Nhân học ở các nước Đông Nam Á được định vị thế nào trong hệ thống khoa học xã hội nhân văn, người ta nghiên cứu cái gì và phải chăng Nhân học chỉ quan tâm đến các vấn đề của xã hội đương đại và ứng dụng trong khi bỏ quên nghiên cứu về tộc người. Tôi cũng sẽ xem xét những yếu tố tác động đến lối tư duy, cách thực hành nghiên cứu và kiến thức nhân học ở Đông Nam Á. Sở dĩ tôi chọn Nhân học ở các nước Đông Nam Á để xem xét bởi họ là láng giềng gần gũi với Việt Nam, cùng chia sẻ những đặc điểm phức tạp và đa dạng về văn hóa tộc người, và cũng như Việt Nam, Nhân học văn hóa ở các nước này đều được thoát thai và chịu ảnh hưởng từ di sản nhân học dưới thời thực dân.

Tôi cho rằng, các quan tâm học thuật nói chung được hình thành từ những “lối mòn tư duy” và sự thôi thúc của các mối quan tâm mà xã hội đặt lên vai các nhà khoa học. Vì thế, xem xét cái cách mà các nhà nhân học nghĩ về sứ mạng của họ cũng như kết quả nghiên cứu mà họ công bố là một cách để nhận ra mối quan tâm chủ đạo trong Nhân học các nước Đông Nam Á. Tôi có một may mắn là được tham gia vào một số chương trình trao đổi khoa học với các

trường đại học lớn trong khu vực và có cơ hội để trao đổi với các đồng nghiệp nước ngoài về vấn đề mình quan tâm. Những nhận thức của tôi về tình hình nghiên cứu nhân học trong khu vực trình bày dưới đây chủ yếu dựa vào thông tin về chương trình nghiên cứu và đào tạo nhân học của các trường đại học và viện nghiên cứu cũng như những trao đổi và thảo luận với các đồng nghiệp trong khu vực, đặc biệt là kết quả nghiên cứu của một số dự án nghiên cứu hợp tác khu vực của SEASREP<sup>1</sup> và của Bộ môn Xã hội học và Nhân học, Đại học Quốc gia Singapore mà tôi là thành viên<sup>2</sup>. Tôi tin rằng những vấn đề nêu ra trong phần trình bày dưới đây chắc chắn chưa thể phản ánh một cách toàn diện và đầy đủ về xu hướng nghiên cứu trong Nhân học Đông Nam Á nhưng cũng giúp hé lộ phần nào các quan tâm khoa học chủ đạo trong đào tạo và nghiên cứu nhân học ở khu vực.

### **Định vị Nhân học trong đào tạo và nghiên cứu xã hội ở các nước Đông Nam Á**

Hầu hết các trường đại học và viện nghiên cứu ở Singapore đều không thấy sự hiện diện của các bộ môn có tên gọi Nhân học Văn hóa trong khi Xã hội học dường như được biết đến nhiều hơn. Nhưng thật đáng ngạc nhiên, tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo đại học Singapore lại có sự hiện diện của nhiều nhà nhân học và họ đang đóng

góp vai trò đáng kể nhận diện văn hóa và xây dựng chính sách liên quan đến các tộc người và chủng tộc trong nước và cả khu vực. Ở Đại học Quốc gia Singapore, Nhân học Văn hóa được xếp chung vào cùng Bộ môn Xã hội học. Có lẽ có những tiện lợi trong việc tổ chức một bộ môn có hai ngành khoa học có một số điểm chung về phương pháp và mối quan tâm học thuật. Tuy nhiên, cũng có những nhạy cảm có tính chính trị do Bộ môn Nhân học ở đại học do một giáo sư nước ngoài sáng lập và có những lo ngại cho rằng Dân tộc học - Nhân học có hơi hướng là ngành khoa học thực dân trong khi Xã hội học có tính trung dung hơn (Thompson, 2012, tr. 664-689).

Ngoại trừ Singapore là một trường hợp cá biệt, các nước Đông Nam Á còn lại đều dành quan tâm đáng kể để phát triển đào tạo và nghiên cứu nhân học văn hóa - xã hội và đặt khoa học này ở một vị thế được xem là có ý nghĩa chiến lược trong việc xây dựng quốc gia dân tộc (*nation building*). Dẫu vậy, cũng như Singapore, ở hầu hết các trường đại học danh tiếng của các nước Đông Nam Á, Nhân học không có vị thế như một ngành khoa học độc lập mà thường được xếp vào một bộ môn có tên gọi chung là Xã hội học và Nhân học (*Department of Sociology and Anthropology*), và được đặt dưới sự trực thuộc của các ngành khoa học khác nhau như Khoa học Xã hội và Nhân văn (*Faculty of Social Sciences and Arts/Humanities*) hoặc Khoa học Chính trị (*Faculty of Political Sciences*). Ở một số đại học lớn của Indonesia và Malaysia, Bộ môn Nhân học trước đây thường được xếp vào Khoa Văn chương (*Faculty of Letters*), rồi Khoa Nhân văn (*Faculty of Humanities*) và gần

<sup>1</sup> Đề tài nghiên cứu “Các bản sắc Đa nguyên” (*Plural Identities*) do Quỹ SEASREP tài trợ (2013-2014), Southeast Asian Studies Regional Exchange Program, 2014. *Plural Identities*, Pre-publication Workshop. Mala, Philippines 20-21 tháng Ba năm 2014.

<sup>2</sup> Hội thảo về “Hiện tình Nhân học Đông Nam Á” (*The Current State of Anthropology in Southeast Asia*) do Bộ môn Xã hội học thuộc Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Singapore tổ chức, 2-3 tháng 10 năm 2014.

đây lại được đưa vào Khoa Khoa học Chính trị (*Faculty of Political Science*). Đại học Thammasat (Thailand) là một trường hợp khá đặc biệt khi có hẳn một khoa về Xã hội học và Nhân học (*Faculty of Sociology and Anthropology*); trong đó, Nhân học là một ngành học độc lập mặc dù về mặt quy mô thì đây không phải là một khoa có ảnh hưởng lớn về học thuật. Xu hướng này dường như đã góp phần làm mờ đi ranh giới của các chuyên ngành (*discipline*) và làm tăng cơ hội tiếp cận liên ngành và đa ngành trong khoa học xã hội trong khi ở Việt Nam lại đang có xu hướng đào sâu lẫn ranh giữa các chuyên ngành và tạo ra một sự “phân công lao động” không rõ ràng.

#### **Nghiên cứu tộc người trong Nhân học Đông Nam Á**

Dù về mặt cơ cấu tổ chức, Nhân học không có vị thế của một đơn vị đào tạo và nghiên cứu độc lập ở hầu hết các trường đại học Đông Nam Á nhưng các quan tâm học thuật và nghiên cứu về các dân tộc bản địa và thiểu số, vốn được xem là các cư dân “nguyên thủy và mông muội” trước đây hay “các xã hội cổ truyền” hiện nay vẫn là dòng chảy chủ đạo trong nghiên cứu nhân học ở các nước Đông Nam Á. Gần đây, các trường đại học lớn như Kebangsaan hay Chiang Mai đã bắt đầu thành lập các trung tâm nghiên cứu tộc người (*ethnic studies*) để thúc đẩy hướng nghiên cứu có tính định hướng chính sách (*policy-oriented research*). Ngoài việc quan tâm nghiên cứu các “xã hội cổ truyền”, Nhân học ở các nước Indonesia và Malaysia gần đây cũng dành quan tâm đáng kể đến sự hình thành và đặc điểm của các cộng đồng tộc người là kết quả của quá trình hỗn huyết giữa cư dân bản địa và người di cư để hình

thành nên những thực thể văn hóa khác với văn hóa gốc. Tương tự như vậy, những nghiên cứu về các tộc người bản địa ở Borneo, một đề tài đặc biệt trong Nhân học dưới thời thực dân giờ đây tiếp tục trở thành một trọng tâm Nhân học ở Brunei, Malaysia và Indonesia và số lượng các nhà nhân học nghiên cứu về khu vực này và các công trình nhân học về Borneo tiếp tục tăng lên (King, 2013; Ibrahim, 2014).

Mặc dù khái niệm tộc người (*ethnos*) hay các nhóm tộc người (*ethnic groups*) đã xuất hiện từ lâu, được nêu ra từ khoảng những năm 1930 khi các nhà dân tộc học thực dân Anh nghiên cứu các tộc người ở vùng cao Miến Điện (Leach, 1954) nhưng thực ra chỉ mới bắt đầu được sử dụng phổ biến từ sau chiến tranh thế giới thứ 2 trở đi để thay thế cho thuật ngữ bộ lạc (*tribe*) hay giống người (*race*). Dần dần, thuật ngữ tộc người đã được sử dụng phổ biến trong các công trình dân tộc học về Đông Nam Á như trong tác phẩm *Các nhóm tộc người ở Bắc Đông Nam Á (Ethnic groups of northern Southeast Asia)* của John Embree và W. L. Thomas (Embree và Thomas, 1950). Dẫu vậy, những tranh luận về khái niệm tính tộc người (*ethnicity*) và biên giới văn hóa giữa các tộc người chỉ thực sự nổi lên như những quan tâm học thuật hàng đầu trong giới Dân tộc học - Nhân học thế giới vào những năm giữa thế kỷ 20 (Bromley và Kozlov, 1989, tr. 425-438; cũng xem: Barth, 1969, tr. 1-38). Trong thời kỳ đầu của Nhân học các nước Đông Nam Á như Philippines hay Malaysia, sự quan tâm hàng đầu vẫn là các vấn đề chủng tộc hay con người sinh học hơn là con người văn hóa. Có thể nói, khái niệm tộc người trong Nhân học các nước Đông Nam

Á được quan tâm khá muộn và chịu ảnh hưởng trực tiếp của Nhân học châu Âu, trong khi ở Việt Nam, Dân tộc học theo trường phái Xô-viết đã xuất hiện sớm hơn và đạt được nhiều thành tựu khá nổi bật nhờ các công trình mô tả dân tộc học (*ethnography*) về các tộc người và xây dựng tiêu chí về ranh giới tộc người phục vụ công tác xác minh dân tộc.

Ở Việt Nam, ngay từ những năm đầu 1960, các nhà dân tộc học đã tìm kiếm và đi đến thống nhất sử dụng ba tiêu chí để xác định thành phần dân tộc, trong đó bao gồm ngôn ngữ, đặc điểm văn hóa và ý thức tự giác dân tộc, và dường như không có nhiều ý kiến phản bác lại quan điểm này. Trong khi đó, vấn đề được quan tâm thảo luận nhiều trong nghiên cứu các vấn đề tộc người ở Đông Nam Á lại có xu hướng tập trung vào vấn đề đặc điểm văn hóa của tộc người. Các nhà nhân học đặt câu hỏi làm thế nào để xác định được những đặc điểm văn hóa nào đóng vai trò cốt lõi trong việc định hình nên đặc điểm của một tộc người. Có ý kiến cho rằng, không thể xác định được những nét văn hóa chủ đạo có tính cốt lõi của một tộc người và do đó, không thể áp dụng tiêu chí này trong xác định mọi tộc người trên thế giới (Barth, 1969).

### **Di sản thực dân và truyền thống nhân học ở các nước Đông Nam Á**

Có một thông số chung là Nhân học ở Đông Nam Á đều chịu ảnh hưởng của các truyền thống Nhân học châu Âu và Mỹ. Cụ thể hơn, có thể nhận thấy Nhân học Malaysia chịu ảnh hưởng trực tiếp của các quan điểm nhân học Anh và Mỹ; Nhân học Indonesia thừa hưởng cách tiếp cận nhân

học của Hà Lan, Úc và Mỹ. Trong khi đó, tư tưởng nhân học Đức, Tây Ban Nha và Mỹ được xem là những nền tảng căn bản đầu tiên của Nhân học Philippines còn Nhân học Thái Lan chịu ảnh hưởng sâu đậm quan điểm nhân học Mỹ và một phần nào đó, từ châu Âu, trong đó tiêu biểu là Nhân học Anh.

Điểm nổi bật trong Nhân học ở các nước Đông Nam Á là khi bắt đầu chịu ảnh hưởng của Nhân học kiểu Mỹ thì khuynh hướng nghiên cứu ứng dụng và thực dụng đã dần dần lấn át nghiên cứu cơ bản. Tuy nhiên, Nhân học ở các nước Đông Nam Á sau độc lập đã dần hình thành những truyền thống nhân học riêng mà trong đó lý luận và phương pháp nghiên cứu được phát triển để tìm hiểu mối quan hệ giữa “văn hóa của mình” (*selves*) và của người khác (*others*) thay vì chỉ tìm hiểu văn hóa của “người khác” như vẫn thấy trong Nhân học thực dân. Cần phải lưu ý rằng, trước đây, Nhân học vốn là một khoa học được phát triển để nghiên cứu về các nền văn hóa xa lạ ngoài châu Âu và hầu hết các nhà nhân học nghiên cứu về các xã hội Đông Nam Á là “người ngoài” thì từ khoảng giữa thế kỷ XX trở đi, sau khi giành được độc lập dân tộc, các nước này đã bắt đầu đào tạo các nhà nhân học người bản địa nghiên cứu về văn hóa và xã hội của chính mình. Đáng lưu ý là tri thức nhân học giờ đây chủ yếu được các nhà nhân học người bản địa sản xuất thay vì do các nhà nhân học thực dân tạo ra. Tuy nhiên, cũng giống như ở Việt Nam, các nhà nhân học Đông Nam Á chủ yếu dành sự quan tâm tìm hiểu về văn hóa các tộc người bên trong lãnh thổ quốc gia trong khi các quan tâm nhân học xuyên quốc gia trở nên yếu ớt và

dường như xu hướng này còn tiếp tục trong tương lai gần. Điều này một mặt phản ánh những khó khăn trong tìm kiếm tài trợ, kỹ năng ngôn ngữ và thực hiện điền dã ở các tộc người bên ngoài biên giới quốc gia, mặt khác, cho thấy vấn đề tộc người khá nhạy cảm chính trị và sự thiếu vắng hợp tác khu vực giữa các quốc gia trong nghiên cứu tộc người.

### **Nhân học về tộc người và vấn đề xây dựng (quốc gia) dân tộc**

Trong khi tập trung nghiên cứu về tộc người, nhân học các nước Đông Nam Á dường như đã chiếm lĩnh được vị thế là một khoa học có vai trò quan trọng trong chiến lược xây dựng quốc gia dân tộc (*nation building*).

Nhân học Thái Lan dường như dốc cả sức lực vào nghiên cứu văn hóa Thái, xem đó như là tâm điểm của các khám phá nhân học, thậm chí “quốc tế hóa” ngành Thái học (*Thai Studies*) và tạo được sự quan tâm lớn về mặt học thuật. Các nhà nhân học Thái cũng có điều kiện tiến hành một số nghiên cứu quan trọng về người Thái bên trong và bên ngoài Thái Lan, có thể do tận dụng được lợi thế ngôn ngữ và mối liên hệ tộc người xuyên khu vực (Tosakul, 2014).

Tương tự như vậy, giới nhân học Malaysia cũng dành mọi nỗ lực để nghiên cứu về văn hóa, văn minh và bản sắc Mã Lai. Có những nhà nhân học trở nên nổi tiếng như Shamsul mà cả cuộc đời của ông được hiến dâng cho nghiên cứu văn hóa Malay. Ông không chỉ đóng góp vào việc thành lập các cơ sở nghiên cứu nổi tiếng về Malay ở Malaysia như *Malay World and Civilisation* (ATMA 1999-2007); *Institute of Occidental Studies* (IKON, lập ra vào năm 2003) và *Institute of Ethnic Studies* (KITA,

thành lập năm 2007). Ông cũng là người lý thuyết hóa khái niệm hóa về *Malayness*, *Malay World* và tác động của thế giới Mã Lai và phương Đông đối với phương Tây (*the occident*). Những phát hiện của ông đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các lý thuyết về tính đa dạng tộc người và sự gắn kết xã hội (Omar, 2014; Senguan, 2014).

Ở Philippines, kiến thức nhân học về các tộc người bản địa được xem như một phần của bộ máy xây dựng (quốc gia) dân tộc. Ngay cả dưới thời các chế độ độc tài cai trị đất nước thì việc khám phá và phổ biến kiến thức về các tộc người bản địa ở Philippines vẫn được coi trọng. Ủy ban Quốc gia về Văn hóa - Nghệ thuật (NCCA) đã tiến hành phân loại tộc người, xác định Philippines có 77 nhóm dân tộc - ngôn ngữ học với 224 nhóm địa phương (*sub-groups*). Vai trò của Nhân học được đề cao dưới thời Marcos khi nước này thành lập một Văn phòng Tổng thống về các dân tộc thiểu số, ra quyết định công nhận quyền của các dân tộc bản địa, quyết định xây dựng bảo tàng quốc gia, thành lập nhiều trung tâm nghiên cứu văn hóa các dân tộc và các bộ môn đào tạo về Nhân học ở các trường đại học trong thời kỳ này. Các nhà nghiên cứu Philippines cho rằng, Nhân học đã tạo nên một xu hướng “bản địa hóa tri thức” (*indigenization of knowledge*) và bản địa hóa các dự án nhân học (*indigenizing anthropological projects*), do đó đã góp phần chống lại xu hướng Tây Âu hóa văn hóa địa phương ở Philippines (Canuday và Poro, 2014).

### **Lối mòn thực dân hay nhu cầu tất yếu của xã hội?**

Nhân học ở các nước Đông Nam Á đều chịu ảnh hưởng sâu đậm của Nhân học

thực dân châu Âu và Mỹ. Có thể nói, Nhân học thực dân đã tạo ra một lối mòn trong nhân học nghiên cứu về tộc người, tập trung quan tâm khoa học vào các xã hội truyền thống, mô tả các tập tục và lối sống của các nhóm cư dân bản địa. Trên cái nền di sản ấy, Nhân học các nước Đông Nam Á một mặt tiếp tục các truyền thống trong Nhân học thực dân nhưng mặt khác, đã dần dần tạo lập được những truyền thống nhân học quốc gia riêng, trong đó nhấn mạnh vai trò quan trọng của nghiên cứu nhân học về tộc người đối với quá trình xây dựng quốc gia dân tộc ở mỗi nước.

Điểm yếu của Nhân học Đông Nam Á là mặc dù nhiều công trình nghiên cứu của các học giả trong nước được xuất bản nhưng chủ yếu bằng ngôn ngữ bản địa nên chưa tạo được tầm ảnh hưởng quốc tế, trong khi các nguồn tham khảo chủ yếu vẫn đến từ Nhân học châu Âu và Mỹ.

Mặt khác, Nhân học ở các nước Đông Nam Á có xu hướng tập trung giải quyết các quan tâm cụ thể của quốc gia dân tộc trong khi ít chú ý nghiên cứu xuyên quốc gia và khu vực. Hơn nữa, những quan tâm khoa học ở tầm lý luận còn khá mờ nhạt. Do nhiều nguyên nhân khác nhau mà hoạt động trao đổi học giả, đào tạo và nghiên cứu giữa các nước trong khu vực còn yếu. Đây mạnh nghiên cứu tộc người xuyên quốc gia trong khu vực và tăng cường trao đổi học thuật giữa các nhà nhân học của các nước chắc chắn sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của Nhân học Đông Nam Á trong tương lai vì kiến thức về tộc người ở mỗi quốc gia và sự hiểu biết lẫn nhau đang trở thành một nhu cầu tất yếu của xã hội.

### Tài liệu tham khảo

1. Barth, Fredrik (1969), "Introduction", in: *Ethnic Change and Boundaries* (ed. by Fredrik Barth), Little, Brown, Boston, tr. 1-38.
2. Bromley, Julian và Viktor Kozlov (1989), "The Theory of Ethnos and Ethnic Processes in Soviet Social Sciences", in: *Comparative Studies in Society and History*, 31.3, tr. 425-438.
3. Canuday, Jose Jewel and Emma Poro (2014), "Crafting anthropological traditions in the Philippines: Engaging the State, Civil Society, and Communities", Paper presented at the *NUS International Workshop*, Singapore 2-3 October 2014.
4. Phan Hữu Dật (2006), "Từ Dân tộc học đến Nhân học", trong: *100 năm nghiên cứu và đào tạo các ngành khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam*, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 217-223.
5. Embree, John và W. L. Thomas (1950), *Ethnic groups of northern Southeast Asia*, Yale University Southeast Asia Studies, New Haven, CT.
6. Ibrahim, Zawawi (2014), "Exploring the forging of a "national" anthropological discourse within the framework of transnational anthropology in Sarawak: A brief foray", Paper presented at *NUS international workshop on Anthropologies in Southeast Asia*, 2-3 October 2014.
7. King, Victor (2013), "Borneo and Beyond: Reflection on Borneo Studies, Anthropology and the Social Sciences", *Working Paper Series 3*, Institute of Asian Studies, Universiti Brunei Darussalam, Gadong.

8. Leach, E. R. (1954), *Political system of Highland Burma: A Study of Kachin Social Structure*, London School of Economics and Political Sciences, London.

9. Omar, Noritah (2014), “Institutionalizing Anthropology? Towards Critical Self-reflexivity as a Decolonizing Methodology”, Paper presented at *NUS International workshop on Anthropologies in Southeast Asia*, 2-3 October 2014.

10. Senguan, Yeoh (2014), “Social Transformation and doing social anthropology in contemporary West

Malaysia”, Paper presented at *NUS International workshop on Anthropologies in Southeast Asia*, 2-3 October 2014.

11. Thompson, Eric C. (2012), “Anthropology in Southeast Asia: National Traditions and Transnational Practices”, in: *Asian Journal of Social Sciences* 40, tr. 664-689.

12. Tosakul, Ratana (2014), “Transnational Anthropology of Thailand: An Anthropological Review”, Paper presented at the *NUS International workshop on Anthropologies in Southeast Asia*, 2-3 October 2014.



Gieo mạ chuẩn bị cho vụ mùa mới  
(Người Sán Dìu ở xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang)

Ảnh: Nguyễn Thẩm Thu Hà